

Bản án số: **09/2025/DSST**  
Ngày: 21/8/2025  
V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Diễm Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Trung và bà Phạm Thị Thùy Lê

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXXST-DS ngày 17/7/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 05/8/2025 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Phạm Văn H, sinh năm 1969; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. Trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Danh T – sinh năm 1958; Địa chỉ: G T, khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là G T, thôn L, xã T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** - Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1952;

- Chị Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1984;

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Danh T trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên ngày 07/01/2022 bà Nguyễn Thị H1 và con gái bà H1 là Nguyễn Thị Bích L1 có mượn của vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị L số tiền 10.000.000đ, thời hạn trả nợ là 06 tháng (hẹn đến 07/7/2022 sẽ trả); Đến ngày 26/12/2023 bà H1, chị L1 mượn tiếp của vợ chồng ông H, bà L số tiền 20.000.000đ (giấy mượn tiền ghi nhầm thành 200.000.000đ), cũng hẹn

thời hạn trả nợ là 06 tháng. Tổng cộng số tiền mà bà H1, chị L1 mượn của vợ chồng ông H, bà L là 30.000.000đ; Khi mượn tiền chỉ có bà H1, chị L1 đứng ra mượn. Cả hai lần mượn tiền đều có viết giấy mượn tiền và hai bên đều ký tên. Tuy nhiên, đã quá hạn theo thỏa thuận của giấy mượn tiền, vợ chồng ông H, bà L nhiều lần yêu cầu bà H1, chị L1 trả nợ nhưng bà H1, chị L1 vẫn không chịu trả số tiền nợ đã mượn cho ông H, bà L. Nay vợ chồng ông H, bà L khởi kiện yêu cầu bà H1, bà L1 phải trả cho vợ chồng ông H, bà L số tiền đã mượn là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*); Ông H, bà L không yêu cầu bà H1, chị L1 phải trả lãi suất.

- Theo lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà H1 và con gái bà H1 là Nguyễn Thị Bích L1 có mượn của vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị L tổng cộng 02 lần mượn vào năm 2022 và năm 2023 số tiền 30.000.000đ để trang trải cuộc sống. Nay vợ chồng ông H, bà L yêu cầu bà H1 và chị L1 trả nợ thì bà H1 đồng ý trả nhưng không có khả năng trả một lần mà xin được trả dần số tiền nói trên.

- TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là TAND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk) đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Bích L1 nhưng chị L1 không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Danh T giữ nguyên lời trình bày có tại hồ sơ vụ án, đề nghị bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Bích L1 phải trả cho vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị L số tiền đã mượn là 30.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự (BLDS), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Bích L1 phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị L số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*); Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã mượn theo giấy mượn tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn thường trú tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là TAND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại

Điều 35 BLTTDS. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Căn cứ vào giấy mượn tiền (Bút lục số 42) do bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Bích L1 ký tên cùng với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 BLTTDS, đủ cơ sở xác định: Ngày 07/01/2022 và ngày 26/12/2023, bà Nguyễn Thị H1 và chị Nguyễn Thị Bích L1 có mượn của vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị L hai lần với tổng số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), có ghi nhận thời hạn trả nợ của mỗi lần mượn là 06 tháng và không thỏa thuận lãi. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng ông H, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà H1, chị L1 trả nợ nhưng bà H1, chị L1 không trả nợ đúng cam kết là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông H, bà L, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Xét lời trình bày của bị đơn về việc đề nghị HĐXX xem xét cho bị đơn trả nợ dần là không có căn cứ, nguyên đơn không đồng ý cho trả dần, nên HĐXX không chấp nhận lời trình bày của bị đơn, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H1, chị L1 phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông H, bà L số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là  $30.000.000đ \times 5\% = 1.500.000đ$ ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và chị Nguyễn Thị Bích L1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị L số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

## 2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H1 và chị Nguyễn Thị Bích L1 phải chịu 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị L số tiền 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006723 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

### **\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14-Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 14-Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Thị Diễm Huyền**

